

TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh P.

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2020.

V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Hưng và Ông Lê Dũng Tấn

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tổ Loan - Thư ký Tòa án Thiệu Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 07 năm 2020 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15 ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Thôn Hoạch p, Xã Thiệu P, Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Tra T, xã Thiệu P, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Trịnh Quốc T - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Hoạch p, Xã Thiệu P, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trịnh Quốc T xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 7 năm 2013 tại UBND xã Thiệu Phúc, Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

Sau khi cưới vợ chồng hoà thuận hạnh P, cho đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do càng sống sống với nhau càng bộc lộ nhiều quan điểm không tương đồng, tính tình không hợp, anh T chơi bời không tu chí làm ăn, cuộc sống không có tiếng nói chung, không hạnh P, đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Quốc Bảo, sinh ngày 21/02/2014. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trịnh Quốc T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 7 năm 2013 tại UBND xã Thiệu P, Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh P bình thường, không cãi nhau, không xảy ra mâu thuẫn lớn. Chỉ có một đôi lần anh đi chơi với bạn bè, chị T không vui, không đồng ý nên giận dỗi rồi tự xa cách, không gần gũi, quan T đến chồng. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 9 năm 2019, từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Anh cũng đã gặp gỡ khuyên bảo để chị T quay về nhưng không có kết quả. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn không lớn không đến mức phải chia tay nhau, anh vẫn còn tình thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Quốc B, sinh ngày 21/02/2014. Hiện tại cháu B đang ở với anh. Nếu phải ly hôn, anh không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Quốc T, gia đình anh T và chính quyền địa phương cho biết cuối năm 2019 khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ, sống ly thân với anh T từ đó cho đến nay. Con chung của anh Thắng chị T là cháu Trịnh Quốc B, sinh ngày 21/02/2014, hiện đang ở cùng với anh Thắng và ông bà nội.

Tại biên bản hòa giải cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Xét các điều kiện tốt nhất cho con, chị đồng ý giao con là Trịnh Quốc B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T không yêu cầu chị đóng góp cấp dưỡng nuôi con, chị T đồng ý. Bị đơn anh Trịnh Quốc T trình bày anh vẫn còn yêu thương vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn, song tại phiên tòa lần thứ hai anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ qui định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, xét yêu cầu của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Quốc T. Anh T có nơi cư trú tại thôn Hoạch phúc, xã Thiệu Phúc, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Anh Trịnh Quốc T đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Quốc T kết hôn trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T :

Sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị T và Trịnh Quốc T cũng đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc song chỉ vì những va chạm trong cuộc sống hàng ngày, không ai chịu nhường ai dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 9 năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn, anh T không đồng ý vì anh còn tình cảm. Anh T thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay nhưng anh không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị

không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị T và anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị T, anh T thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Trịnh Quốc Bảo, sinh ngày 21/02/2014, thời điểm hiện tại, cháu đang ở với anh Thắng. Khi ly hôn chị T đồng ý giao con cho anh Trịnh Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật. Cháu B hiện đang sống ổn định cùng với anh T, do đó để đảm bảo sự phát triển toàn diện, không bị xáo trộn trong sinh hoạt, T sinh lý của cháu, nên chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh Thắng, giao cháu Trịnh Quốc B, sinh ngày 21/02/2014 cho anh Trịnh Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Việc không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện do anh T có đủ khả năng, điều kiện để lo cho con, không vì tự ái cá nhân nào khác, do vậy chấp nhận đề nghị của anh Thắng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Thắng.

- Về tài sản: Chị T, anh Thắng không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Từ những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trịnh Quốc T.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Quốc B, sinh ngày 21/02/2014 cho anh Trịnh Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trịnh Quốc T cho đến khi anh Thắng có yêu cầu. Chị Nguyễn Thị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung anh Trịnh Quốc T không được cản trở, ngăn cấm.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0005659 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thiệu Hóa, được trừ vào án phí.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm theo trình tự bút lục, vắng mặt hai bên đương sự. Tuyên bố chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Quốc T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Thiệu Hoá
- Chi cục thi hành án Thiệu Hoá
- TAND Tỉnh Thanh Hóa
- UBND xã nơi ĐS ĐKKH
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán**

Lê Văn Hà